

Số: 06 /2012/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 12 tháng 3 năm 2012

THÔNG TƯ

Về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 9 tháng 6 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 81/2002/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 28/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư về việc xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước.

Điều 1. Phạm vi và đối tượng điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn việc tổ chức xác định các nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo đặt hàng của Nhà nước bao gồm các đề tài nghiên cứu khoa học (sau đây gọi là đề tài) và dự án sản xuất thử nghiệm (sau đây gọi là dự án) thuộc các chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm cấp nhà nước (sau đây gọi là chương trình) để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho các tổ chức và cá nhân thực hiện.

Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ liên quan đến bí mật nhà nước không thuộc đối tượng điều chỉnh của Thông tư này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

1. *Đề xuất đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình* là việc Bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan trực thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; các tổ chức chính trị - xã hội, các ban của Đảng; tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp cấp Trung ương; tập đoàn, tổng công ty (sau đây gọi chung là Bộ, ngành và địa phương) đề

xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần được giải quyết thông qua các chương trình.

2. *Đặt hàng thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình là việc Bộ Khoa học và Công nghệ thay mặt Nhà nước đưa ra mục tiêu, yêu cầu, nội dung, bảo đảm kinh phí và ký hợp đồng đặt hàng với tổ chức, cá nhân để triển khai các đề tài, dự án của chương trình.*

Điều 3. Căn cứ đề xuất đặt hàng

1. Yêu cầu của Lãnh đạo Đảng, Nhà nước.
2. Chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, Bộ, ngành, tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.
3. Chiến lược phát triển khoa học và công nghệ dài hạn và phương hướng, mục tiêu, nhiệm vụ khoa học và công nghệ trung hạn của Nhà nước.
4. Mục tiêu, nội dung, dự kiến sản phẩm của chương trình đã được Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt (sau đây gọi là khung chương trình).

Điều 4. Yêu cầu đối với đề tài, dự án thuộc chương trình

1. Yêu cầu chung
 - a) Có mục tiêu, nội dung và sản phẩm dự kiến phù hợp với khung chương trình;
 - b) Trực tiếp, góp phần giải quyết những vấn đề khoa học và công nghệ ở tầm quốc gia, liên ngành và liên vùng;
 - c) Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã và đang thực hiện;
 - d) Có khả năng huy động nguồn lực từ các tổ chức khoa học và công nghệ, doanh nghiệp, các nhà khoa học trong nước và nước ngoài tham gia thực hiện;
 - đ) Tác động đến sự phát triển của ngành, lĩnh vực, vùng kinh tế;
 - e) Thời gian thực hiện đề tài, dự án phù hợp với yêu cầu của chương trình. Trường hợp đặc biệt do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định.
2. Yêu cầu đối với đề tài
 - a) Kết quả nghiên cứu được thể hiện ở một trong các yêu cầu sau:
 - a) Đưa ra luận cứ khoa học cho việc giải quyết vấn đề thực tiễn trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội, pháp luật của Nhà nước;

b) Tạo ra công nghệ mới, sản phẩm mới có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội, đạt trình độ tiên tiến trong khu vực hoặc quốc tế;

c) Có giá trị ứng dụng cao, tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả.

3. Yêu cầu đối với dự án

a) Những công nghệ hoặc sản phẩm khoa học và công nghệ cần được nghiên cứu hoàn thiện bao gồm:

- Kết quả nghiên cứu của đề tài khoa học và công nghệ đã được hội đồng khoa học và công nghệ đánh giá, nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng;

- Kết quả khai thác sáng chế; sản phẩm khoa học và công nghệ khác.

b) Công nghệ hoặc sản phẩm tạo ra có tính mới, tính tiên tiến so với công nghệ hiện có ở Việt Nam, có khả năng thay thế nhập khẩu;

c) Có khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách để thực hiện và có địa chỉ ứng dụng sản phẩm;

d) Sản phẩm của dự án có khả năng áp dụng rộng rãi để tạo ngành nghề mới, tăng thêm việc làm và thu nhập cho cộng đồng.

Điều 5. Nguyên tắc xác định đề tài, dự án thuộc chương trình

1. Bộ Khoa học và Công nghệ giao các Ban chủ nhiệm chương trình xây dựng danh mục đề tài, dự án thuộc từng chương trình.

2. Bộ Khoa học và Công nghệ thẩm định và phê duyệt danh mục đề tài, dự án theo từng chương trình để thông báo đưa ra tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện trên cơ sở ý kiến tư vấn của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc chương trình (sau đây gọi là hội đồng tư vấn) do Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập.

3. Đề tài, dự án trong danh mục thông báo tuyển chọn, giao trực tiếp được xác định tên, định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm. Riêng đối với dự án cần xác định thêm các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm.

4. Trình tự xác định các đề tài, dự án trong danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10 và Điều 11 của Thông tư này.

Điều 6. Đề xuất đặt hàng

1. Hàng năm, Bộ, ngành và địa phương căn cứ vào hướng dẫn xây dựng kế hoạch khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ và các quy định của Thông tư này, hướng dẫn các đơn vị trực thuộc và các tổ chức, cá nhân có liên quan đề xuất các vấn đề khoa học và công nghệ có thể được giải quyết bằng một hoặc một số đề tài, dự án (Phụ lục 1, Biểu A1-1).

2. Bộ, ngành và địa phương tổng hợp các vấn đề khoa học và công nghệ cần đề xuất đặt hàng (Phụ lục 1, Biểu A1-2) và gửi về Bộ Khoa học và Công nghệ trước ngày 30 tháng 01 của năm trước năm kế hoạch.

3. Bộ, ngành và địa phương có trách nhiệm tiếp nhận, ứng dụng kết quả nếu đề xuất đặt hàng của Bộ, ngành và địa phương được chấp nhận. Đối với các đề xuất đặt hàng của tập đoàn, tổng công ty cần có thêm cam kết về vốn đối ứng.

4. Ngoài các đề xuất đặt hàng của Bộ, ngành và địa phương, để đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nội dung và sản phẩm của các chương trình, Ban chủ nhiệm chương trình có thể đề xuất các vấn đề khoa học và công nghệ cần giải quyết thông qua Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 7. Xây dựng danh mục các đề tài, dự án

Xây dựng danh mục các đề tài, dự án được thực hiện qua 2 bước:

1. Bước 1: Lựa chọn các vấn đề khoa học và công nghệ dự kiến đưa vào thực hiện.

a) Tổng hợp các vấn đề khoa học và công nghệ đặt hàng theo từng chương trình: từ các đề xuất đặt hàng quy định tại Điều 6 của Thông tư này, Ban chủ nhiệm chương trình căn cứ vào khung chương trình, lựa chọn và tổng hợp các đề xuất đặt hàng cho chương trình (Phụ lục 2, Biểu A2-1);

b) Ban chủ nhiệm chương trình phối hợp với các nhóm chuyên gia (3 đến 5 người không là thành viên Ban chủ nhiệm chương trình) lựa chọn những vấn đề khoa học và công nghệ có thể giải quyết thông qua một hoặc một số đề tài, dự án đáp ứng các yêu cầu quy định tại Điều 4 của Thông tư này. Ý kiến nhận xét của chuyên gia được thể hiện bằng văn bản (Phụ lục 2, Biểu A2-2).

Kết quả làm việc của Ban chủ nhiệm chương trình và các nhóm chuyên gia được ghi thành biên bản (Phụ lục 2, Biểu A2-3) và tổng hợp kết quả làm việc (Phụ lục 2, Biểu A2-4 và Biểu A2-5).

2. Bước 2: Xây dựng các đề tài, dự án.

a) Ban chủ nhiệm chương trình chủ trì phối hợp với các nhóm chuyên gia (5 đến 7 người không là thành viên Ban chủ nhiệm chương trình) căn cứ vào danh mục các vấn đề khoa học và công nghệ đề nghị thực hiện (Phụ lục 2, Biểu A2-5), xây dựng các đề tài, dự án. Các đề tài, dự án phải đảm bảo yêu cầu quy định tại khoản 3, Điều 5 của Thông tư này;

b) Trong quá trình xây dựng các đề tài, dự án, Ban chủ nhiệm chương trình có thể tham khảo ý kiến của các Bộ, ngành và địa phương để đảm bảo các đề tài, dự án đáp ứng được yêu cầu của đề xuất đặt hàng;

c) Căn cứ vào điều kiện cụ thể của từng đề tài, dự án, Ban chủ nhiệm chương trình có thể kiến nghị hình thức lựa chọn tổ chức và cá nhân thực hiện thông qua tuyển chọn hoặc giao trực tiếp;

d) Kết quả làm việc của Ban chủ nhiệm chương trình và các nhóm chuyên gia được ghi thành biên bản (Phụ lục 2, Biểu A2-3) và tổng hợp kết quả có xếp thứ tự ưu tiên (Phụ lục 2, Biểu A2-6) và gửi Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức các hội đồng tư vấn.

Điều 8. Hội đồng tư vấn

1. Hội đồng tư vấn do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập theo chuyên ngành khoa học và công nghệ của chương trình đề tư vấn cho Bộ trưởng về các đề tài, dự án thuộc chương trình do Ban chủ nhiệm chương trình xây dựng.

2. Thành viên của hội đồng tư vấn là các chuyên gia khoa học và công nghệ có uy tín, có tinh thần trách nhiệm, có trình độ chuyên môn phù hợp, am hiểu sâu chuyên ngành khoa học và công nghệ, có hoạt động khoa học và công nghệ trong 5 năm gần đây thuộc lĩnh vực được giao tư vấn và các cán bộ quản lý có kinh nghiệm thực tiễn, thuộc các ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp dự kiến thụ hưởng kết quả nghiên cứu.

Thành viên tham gia hội đồng tư vấn có thể lấy từ cơ sở dữ liệu chuyên gia của Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Hội đồng tư vấn có từ 9 đến 11 thành viên, gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên, Ban chủ nhiệm chương trình không tham gia hội đồng tư vấn. Cơ cấu hội đồng (không kể chủ tịch hội đồng) gồm: 1/2 thành viên là các nhà khoa học và công nghệ; 1/2 thành viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước, tổ chức sản xuất - kinh doanh, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan.

4. Hội đồng tư vấn làm việc theo nguyên tắc dân chủ, khách quan; chịu trách nhiệm cá nhân về tính khách quan, chính xác đối với những ý kiến tư vấn độc lập và trách nhiệm tập thể về kết luận chung của hội đồng.

Điều 9. Tổ chức phiên họp của hội đồng tư vấn

1. Chủ tịch và phó chủ tịch hội đồng có trách nhiệm thống nhất phân công phản biện ít nhất 05 ngày trước phiên họp của hội đồng. Mỗi đề tài, dự án trong danh mục có 02 thành viên làm phản biện.

2. Tài liệu làm việc của Hội đồng

a) Khung chương trình;

b) Danh mục đề tài, dự án của chương trình do Ban chủ nhiệm chương trình xây dựng (Phụ lục 2, Biểu A2-6);

c) Mẫu phiếu nhận xét (Phụ lục 3, Biểu A3-1);

d) Tài liệu liên quan khác.

Tài liệu phải được gửi đến các thành viên hội đồng ít nhất 03 ngày trước phiên họp hội đồng.

3. Khách mời tham dự phiên họp của hội đồng bao gồm: đại diện Ban chủ nhiệm chương trình, đại diện cơ quan quản lý của Bộ Khoa học và Công nghệ, đại diện cơ quan đề xuất đặt hàng.

4. Phiên họp của hội đồng phải có mặt ít nhất 2/3 số thành viên của hội đồng, trong đó phải có chủ tịch hoặc phó chủ tịch. Các thành viên hội đồng có ý kiến nhận xét bằng văn bản (Phụ lục 3, Biểu A3-1). Ý kiến bằng văn bản của thành viên vắng mặt chỉ có giá trị tham khảo.

5. Chủ tịch hội đồng chủ trì các phiên họp của hội đồng, trường hợp chủ tịch hội đồng vắng mặt, phó chủ tịch hội đồng chủ trì phiên họp.

6. Hội đồng phân tích và thảo luận đối với từng đề tài, dự án trong danh mục về những vấn đề sau:

a) Sự phù hợp của đề tài, dự án so với các vấn đề khoa học và công nghệ đặt ra;

b) Đáp ứng với yêu cầu các quy định tại Điều 4 của Thông tư này;

c) Sự phù hợp của tên, định hướng mục tiêu và yêu cầu sản phẩm đối với đề tài và tên, mục tiêu, yêu cầu về các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm đối với dự án;

d) Sự hợp lý của việc đặt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm đối với dự án;

đ) Sự phù hợp của phương thức lựa chọn tổ chức cá nhân thực hiện nhiệm vụ.

7. Trình tự làm việc của hội đồng

a) Công bố quyết định thành lập hội đồng; hội đồng thống nhất phương thức làm việc và cử 01 thành viên làm thư ký khoa học có nhiệm vụ ghi chép các ý kiến thảo luận và lập biên bản các phiên họp của hội đồng;

b) Đại diện Ban chủ nhiệm chương trình trình bày danh mục đề tài, dự án;

c) Các thành viên phản biện trình bày ý kiến đối với các đề tài, dự án được phân công.

Hội đồng thảo luận về các yêu cầu quy định tại khoản 6 Điều này;

d) Ban chủ nhiệm chương trình có trách nhiệm giải trình bổ sung nếu hội đồng yêu cầu;

d) Thành viên hội đồng đánh giá từng đề tài, dự án theo mẫu phiếu quy định (Phụ lục 3, Biểu A3-2);

e) Hội đồng bầu ban kiểm phiếu gồm 03 thành viên, trong đó có 1 trưởng ban. Kết quả kiểm phiếu (Phụ lục 3, Biểu A3-3);

g) Đề tài, dự án được hội đồng đề nghị đưa vào danh mục phải được ít nhất 2/3 số thành viên hội đồng có mặt (đồng thời lớn hơn 1/2 tổng số thành viên hội đồng theo quyết định thành lập) bỏ phiếu xác nhận đáp ứng yêu cầu chung;

h) Hội đồng thảo luận để thống nhất những yêu cầu đối với từng đề tài, dự án được xác nhận đáp ứng yêu cầu chung và biểu quyết thông qua kết luận của hội đồng cho từng nhiệm vụ theo nguyên tắc quá bán và kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với từng đề tài, dự án;

i) Hội đồng thông qua biên bản làm việc (Phụ lục 3, Biểu A3-4) có kèm theo danh mục đề tài, dự án đã được hội đồng thông qua, xếp thứ tự từ cao xuống thấp theo số lượng phiếu xác nhận đáp ứng yêu cầu chung (Phụ lục 3, Biểu A3-5).

8. Các phiên họp hội đồng tư vấn do Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức.

Điều 10. Thẩm định danh mục đề tài, dự án

1. Bộ Khoa học và Công nghệ tổ chức thẩm định danh mục đề tài, dự án. Việc thẩm định danh mục đề tài, dự án thực hiện thông qua các tổ thẩm định. Tổ thẩm định do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập có từ 5 đến 7 thành viên gồm có tổ trưởng, tổ phó và các thành viên là đại diện các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Trường hợp cần thiết, Bộ Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến các Bộ, ngành và địa phương có liên quan về các đề tài, dự án trước khi thẩm định.

3. Tài liệu dùng để thẩm định gồm:

a) Danh mục đề tài, dự án đã hoàn thiện sau khi có ý kiến của hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ;

b) Bản giải trình của Ban chủ nhiệm chương trình đối với các ý kiến của hội đồng tư vấn (nếu có);

c) Biên bản làm việc của hội đồng tư vấn kèm theo các ý kiến của các thành viên phản biện;

d) Các tài liệu, biên bản các cuộc họp Ban chủ nhiệm chương trình trong quá trình xây dựng các đề tài, dự án.

4. Nội dung thẩm định

a) Rà soát thủ tục xây dựng các đề tài, dự án theo quy trình đã được hướng dẫn tại Thông tư này.

b) Rà soát theo các yêu cầu của đề tài, dự án quy định tại Điều 4 của Thông tư này;

c) Rà soát về phương thức sẽ thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với từng đề tài, dự án;

d) Xem xét và đề xuất phương án xử lý các vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa Ban chủ nhiệm chương trình và hội đồng tư vấn.

5. Trong trường hợp cần thiết, tổ thẩm định có thể kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến các chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập hội đồng khác để tư vấn.

6. Kết quả làm việc của tổ thẩm định được lập thành biên bản làm việc (Phụ lục 4, Biểu A4-1) có kèm theo danh mục đề tài, dự án đề nghị phê duyệt (Phụ lục 4, Biểu A4-2).

Điều 11. Phê duyệt danh mục các đề tài, dự án để đặt hàng

Căn cứ kết quả thẩm định, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét phê duyệt danh mục các đề tài, dự án để đưa ra tuyển chọn hoặc giao trực tiếp cho tổ chức và cá nhân thực hiện trong năm kế hoạch tiếp theo.

Điều 12. Tổ chức thực hiện

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký ban hành.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương vận dụng Thông tư này để hướng dẫn, tổ chức xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ trong phạm vi quản lý của mình.

3. Trong quá trình thực hiện nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, sửa đổi bổ sung./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để b/c);
- Các Phó Thủ tướng CP (để b/c);
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Lưu: VT, KHTC.



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Chu Ngọc Anh

Phụ lục 1
BIỂU MẪU ĐỀ XUẤT ĐẠT HÀNG
(Kèm theo Thông tư số /2012/TT-BKHCN ngày / /2012
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu A1-1

PHIẾU ĐỀ XUẤT VẤN ĐỀ, NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
CẦN ĐƯỢC GIẢI QUYẾT Ở CẤP NHÀ NƯỚC NĂM 20...

1. Tên vấn đề, nhiệm vụ khoa học và công nghệ:

2. Thuộc Chương trình:

3. Lý do đề xuất:

3.1. Tính cấp thiết đối với sự phát triển kinh tế-xã hội và khoa học và công nghệ; triển vọng đóng góp vào việc thực hiện các mục tiêu tăng trưởng của ngành, lĩnh vực và mục tiêu phát triển khoa học và công nghệ.

3.2. Nhu cầu phối hợp liên ngành, sự điều hòa phối hợp của cơ quan quản lý (Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ, ngành chủ quản có liên quan).

3.3. Khả năng và địa chỉ áp dụng.

3.4. Năng lực của tổ chức và cá nhân.

4. Dự kiến hiệu quả mang lại:

..., ngày ... tháng... năm 20...

TÒ CHỨC, CÁ NHÂN ĐỀ XUẤT

(Họ, tên và chữ ký - đóng dấu đối với tổ chức)

Ghi chú: Phiếu đề xuất được trình bày không quá 4 trang giấy khổ A4.

Bộ... (ghi rõ tên Bộ, ngành, Tổng Công ty 91,
UBND tỉnh, thành phố...)

**DANH MỤC TỔNG HỢP
CÁC VẤN ĐỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG
THỰC HIỆN NĂM 20...**

| TT | Tên vấn đề khoa học và công nghệ | Lĩnh vực | Lý do đề xuất | Dự kiến kết quả |
|----|----------------------------------|----------|---------------|-----------------|
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |
| | | | | |

..., ngày ... tháng ... năm 20...

THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN

(Họ, tên, chữ ký của Lãnh đạo Bộ, ngành,
địa phương và đóng dấu)

Ghi chú: Kèm theo Bản tổng hợp này là Phiếu đề xuất các vấn đề, nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần được giải quyết ở cấp nhà nước năm 20... của các tổ chức và cá nhân tại Biểu A1-1.

Phụ lục 2
BIỂU MẪU ÁP DỤNG CHO CÁC BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH
(Kèm theo Thông tư số /2012/TT-BKHHCN ngày / /2012
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu A2-1

Chương trình:...

DANH MỤC CÁC VẤN ĐỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG NĂM 201....

| TT | Tên vấn đề khoa học và công nghệ | Tính cấp thiết | Khả năng, địa chỉ ứng dụng | Dự kiến kết quả | Nguồn đặt hàng* |
|----|----------------------------------|----------------|----------------------------|-----------------|-----------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

* Ghi ngày, tháng và số công văn đề nghị của Bộ, ngành, địa phương đề xuất đặt hàng.

..., ngày ... tháng ... năm 20...

TM. BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH
(Họ, tên, chữ ký)

Chương trình:...

**PHIẾU GÓP Ý CỦA CHUYÊN GIA
VỀ CÁC VẤN ĐỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ ĐỀ XUẤT ĐẶT HÀNG
THỰC HIỆN NĂM 20...**

| TT | Tên vấn đề khoa học và công nghệ | Sự phù hợp với Khung chương trình | Tính cấp thiết | Khả năng hình thành nhiệm vụ khoa học và công nghệ | Nhận xét và kiến nghị |
|----|----------------------------------|-----------------------------------|----------------|----------------------------------------------------|-----------------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

..., ngày... tháng... năm 20...

CHUYÊN GIA
(Họ, tên, chữ ký)

BAN CHỦ NHIỆM
CHƯƠNG TRÌNH K...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

BIÊN BẢN HỌP
BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH VÀ NHÓM CHUYÊN GIA
Về việc lựa chọn vấn đề khoa học và công nghệ cần thực hiện hoặc
xây dựng các đề tài, dự án năm 20...

A. Thông tin chung

1. Tên Chương trình:.....
- Chuyên ngành.....
2. Địa điểm và thời gian họp:.....
3. Thành phần dự họp:
- Danh sách chuyên gia:

| TT | Họ và tên | Đơn vị công tác |
|----|-----------|-----------------|
|----|-----------|-----------------|

- Đại diện Ban chủ nhiệm chương trình:
- Đại diện Văn phòng các chương trình:
- Đại diện các đơn vị chức năng của Bộ Khoa học và Công nghệ:
- Đại diện...

B. Nội dung làm việc của Ban chủ nhiệm chương trình

*** Đối với việc lựa chọn các vấn đề khoa học và công nghệ dự kiến đưa vào thực hiện:**

1. Đại diện Ban Chủ nhiệm chương trình trình bày Danh mục các vấn đề khoa học và công nghệ đề xuất thực hiện thuộc Chương trình ...chuyên ngành... (Biểu A2-1).

2. Các chuyên gia cho ý kiến đối với từng vấn đề khoa học và công nghệ trong Danh mục (Biểu A2-2) với các nội dung:

- Phù hợp với Khung chương trình;
- Có tính cấp thiết cao;
- Có khả năng hình thành một hoặc một số đề tài, dự án.

3. Trao đổi, thảo luận:

Ban chủ nhiệm chương trình và các chuyên gia thảo luận về từng vấn đề khoa học và công nghệ, đặc biệt đối với những vấn đề còn có ý kiến khác nhau về đề xuất không thực hiện.

4. Kết luận:

Trên cơ sở ý kiến tư vấn của các chuyên gia, Ban chủ nhiệm chương trình cùng các chuyên gia thống nhất ý kiến về các vấn đề khoa học và công nghệ, Danh mục kèm theo (Biểu A2-4).

*** Đối với việc xây dựng các đề tài, dự án:**

1. Ban Chủ nhiệm chương trình trình bày Danh mục dự kiến các vấn đề khoa học và công nghệ cần thực hiện trong năm 20... (Biểu A2-5).

2. Các chuyên gia cho ý kiến và thảo luận về những nội dung khoa học và công nghệ cần thực hiện để giải quyết từng vấn đề nêu trong Biểu A2-5 và xây dựng các đề tài, dự án theo các yêu cầu nêu tại Thông tư.

3. Trao đổi, thảo luận:

Ban chủ nhiệm chương trình và các chuyên gia thảo luận thống nhất:

- Đề tài được xác định tên, định hướng mục tiêu và yêu cầu đối với sản phẩm.

- Dự án xác định tên, mục tiêu và yêu cầu về các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với sản phẩm.

Kiến nghị hình thức lựa chọn tổ chức và cá nhân thực hiện thông qua tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với từng đề tài, dự án.

4. Kết luận:

Trên cơ sở ý kiến tư vấn của các chuyên gia, Ban chủ nhiệm chương trình cùng các chuyên gia thống nhất Danh mục các đề tài, dự án thực hiện năm 20...có xếp thứ tự ưu tiên kèm theo (Biểu A2-6).

Đại diện nhóm chuyên gia
(Họ, tên, chữ ký)

TM. BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH
(Họ, tên, chữ ký)

Chương trình:...

**Ý KIẾN CỦA BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH VÀ NHÓM CHUYÊN GIA
VỀ DANH MỤC CÁC VẤN ĐỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ NĂM 20...**

| TT | Tên vấn đề khoa học và công nghệ | Nguồn đặt hàng * | Lý do ** |
|-----------|----------------------------------|------------------|----------|
| <i>I</i> | <i>Đề xuất thực hiện</i> | | |
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| | | | |
| <i>II</i> | <i>Đề xuất không thực hiện</i> | | |
| 1 | | | |
| 2 | | | |
| | | | |

* Ghi Bộ, ngành, địa phương đề xuất đặt hàng.

** Ghi lý do cụ thể.

..., ngày... tháng ... năm 20...

Đại diện nhóm chuyên gia
(Họ, tên, chữ ký)

TM. BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH
(Họ, tên, chữ ký)

Chương trình:...

**DANH MỤC CÁC VẤN ĐỀ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ
ĐỀ NGHỊ THỰC HIỆN NĂM 20...**

| TT | Tên vấn đề khoa học và công nghệ | Tính cấp thiết | Khả năng, địa chỉ ứng dụng | Dự kiến kết quả | Nguồn đặt hàng* |
|----|----------------------------------|----------------|----------------------------|-----------------|-----------------|
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

* Ghi Bộ, ngành, địa phương đề xuất đặt hàng.

..., ngày... tháng ... năm 20...

TM. BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH
(Họ, tên, chữ ký)

Chương trình:...

**Ý KIẾN CỦA BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH VÀ NHÓM CHUYÊN GIA
VỀ DANH MỤC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 20...**

(Xếp thứ tự ưu tiên)

Chuyên ngành:.....

I. Danh mục đề tài:

| TT | Tên đề tài | Định hướng mục tiêu | Yêu cầu đối với sản phẩm | Phương thức lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện | Vấn đề khoa học và công nghệ, tên tổ chức đề xuất đặt hàng |
|----|------------|---------------------|--------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| | | | | | |
| | | | | | |

II. Danh mục dự án:

| TT | Tên dự án | Định hướng mục tiêu | Yêu cầu về chỉ tiêu KT-KT của sản phẩm chính | Phương thức lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện | Vấn đề khoa học và công nghệ, tên tổ chức đề xuất đặt hàng |
|----|-----------|---------------------|----------------------------------------------|-------------------------------------------------|------------------------------------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 |
| | | | | | |
| | | | | | |

..., ngày ... tháng... năm 20...

Đại diện nhóm chuyên gia
(Họ, tên, chữ ký)

TM. BAN CHỦ NHIỆM CHƯƠNG TRÌNH
(Họ, tên, chữ ký)

Phụ lục 3
BIỂU MẪU ÁP DỤNG CHO CÁC HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
(Kèm theo Thông tư số /2012/TT-BKHCN ngày / /2012
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu A3-1

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày... tháng... năm 20...

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CHUYÊN GIA
ĐỐI VỚI CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 20....

Phản biện

Chương trình:...

1. Họ và tên chuyên gia:

2. Tên đề tài, dự án dự kiến thực hiện:

3. Ý kiến chuyên gia:

a) Sự phù hợp của đề tài, dự án so với các vấn đề khoa học và công nghệ đặt ra:

(Nếu chưa phù hợp cần chỉ rõ những điểm chưa phù hợp và phương án khắc phục)

b) Đáp ứng với yêu cầu quy định tại Điều 4 của Thông tư:

(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)

c) Sự phù hợp của tên, định hướng mục tiêu và yêu cầu sản phẩm đối với đề tài và tên, mục tiêu, yêu cầu về các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm đối với dự án:

(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)

d) Sự hợp lý của việc đặt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm đối với dự án:

(Nếu chưa đáp ứng cần chỉ rõ phương án chỉnh sửa)

e) Sự phù hợp của phương thức lựa chọn tổ chức cá nhân thực hiện.

CHUYÊN GIA
(Họ, tên và chữ ký)

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC CHƯƠNG
TRÌNH KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm 20...

PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN NĂM 20...
(Kèm theo Thông tư số /2012 /TT-BKHCN ngày / /2012
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

1. Tên Chương trình:

.....

Mã số:

.....

2. Hội đồng chuyên ngành:

.....

Quyết định thành lập Hội đồng:

.../QĐ-BKHCN ngày .../.../201... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

3. Họ tên thành viên Hội đồng:

.....

4. Đánh giá của thành viên Hội đồng:

I. Đề tài

| TT | Tên đề tài | Sự phù hợp của đề tài so với các vấn đề KH&CN | Đáp ứng với yêu cầu quy định tại Điều 4 | Sự phù hợp của tên, định hướng mục tiêu và yêu cầu sản phẩm | Kết luận đáp ứng yêu cầu chung (Ghi có hoặc không) | Các kiến nghị khác (Phương thức lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện; kiến nghị khác...) |
|----|------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

II. Dự án

| TT | Tên dự án | Sự phù hợp của dự án so với các vấn đề KH&CN | Đáp ứng với yêu cầu quy định tại Điều 4 | Sự phù hợp của tên, mục tiêu và yêu cầu sản phẩm | Sự hợp lý của việc đặt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm | Kết luận đáp ứng yêu cầu chung (Ghi có hoặc không) | Các kiến nghị khác (Phương thức lựa chọn tổ chức, cá nhân thực hiện; kiến nghị khác...) |
|----|-----------|----------------------------------------------|-----------------------------------------|--------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 |
| | | | | | | | |
| | | | | | | | |

Ghi chú:

- Thành viên Hội đồng đánh dấu X vào ô tương ứng tại cột số 3, 4, 5 (đối với đề tài) và 3, 4, 5, 6 (đối với dự án) nếu phù hợp, đáp ứng yêu cầu.
- Kiến nghị khác: tuyển chọn hoặc giao trực tiếp; các sửa đổi, bổ sung cần thiết (nếu có).

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG

(Họ, tên và chữ ký)

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN
XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH KH&CN CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU ĐÁNH GIÁ ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 20...

Tên Chương trình:

Mã số:

Chuyên ngành:

Quyết định thành lập Hội đồng: /QĐ-BKHCN ngày .../ /20... của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ

1. Số phiếu phát ra:

2. Số phiếu thu về:

3. Số phiếu hợp lệ:

4. Kết quả bỏ phiếu:

| TT | Tên nhiệm vụ | Họ và tên các thành viên Hội đồng và mức đánh giá "Đáp ứng yêu cầu chung" | | | | | | | | | | | Số phiếu xác nhận "Đáp ứng yêu cầu chung" | Được đưa vào Danh mục đề tài, dự án (*) | Ghi chú |
|----|--------------|------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---|---|---|---|---|----|----|----|----|-------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
| | | Thành viên 1 | Thành viên 2 | | | | | | | | | | | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 | 8 | 9 | 10 | 11 | 12 | 13 | 14 | 15 | 16 |
| | | | | | | | | | | | | | | | |
| | | | | | | | | | | | | | | | |

BAN KIỂM PHIẾU

Trưởng Ban
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ nhất
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên thứ hai
(Họ, tên và chữ ký)

Ghi chú:

- Đánh dấu X vào ô tương ứng của cột 3 đến 13 nếu thành viên Hội đồng xác nhận "đáp ứng yêu cầu chung".

- Đánh dấu X vào ô tương ứng của cột 15 cho những nhiệm vụ được ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng có mặt và hơn 1/2 số thành viên của Hội đồng theo quyết định xác nhận "đáp ứng yêu cầu chung".

HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH
NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC CHƯƠNG
TRÌNH CẤP NHÀ NƯỚC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20...

**BIÊN BẢN HỌP HỘI ĐỒNG TƯ VẤN XÁC ĐỊNH NHIỆM VỤ KH&CN THUỘC
CHƯƠNG TRÌNH CẤP NHÀ NƯỚC NĂM 20...**

A. Những thông tin chung

1. Tên Chương trình:

.....
Chuyên ngành:

2. Quyết định thành lập Hội đồng chuyên ngành...

.../QĐ-BKH&CN ngày .../.../20... của Bộ trưởng Bộ KH&CN

3. Địa điểm và thời gian họp Hội đồng:

..., ngày... / .../20...

- Số thành viên Hội đồng có mặt trên tổng số thành viên: .../...

- Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên:

- Khách mời tham dự họp Hội đồng

| <i>TT</i> | <i>Họ và tên</i> | <i>Đơn vị công tác</i> |
|-----------|------------------|------------------------|
| 1. | | |
| 2. | | |
| 3. | | |

B. Nội dung làm việc của Hội đồng

1. Công bố quyết định thành lập Hội đồng.

2. Hội đồng thống nhất phương thức làm việc và bầu ông/bà
..... làm thư ký khoa học của Hội đồng.

3. Ông/Bà Đại diện BCN chương trình trình bày Danh mục đề tài, dự án SXTN do BCN chương trình và các nhóm chuyên gia xây dựng.

4. Các thành viên phản biện trình bày ý kiến về các nhiệm vụ được phân công.

5. Hội đồng thảo luận và cho ý kiến theo các yêu cầu:

a) Sự phù hợp của đề tài, dự án so với các vấn đề KH&CN đặt ra;

b) Đáp ứng các yêu cầu của đề tài, dự án quy định tại Điều 4 của Thông tư.

c) Sự phù hợp của tên, định hướng mục tiêu và yêu cầu sản phẩm đối với Đề tài và tên, mục tiêu và yêu cầu về các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với sản phẩm đối với Dự án.

d) Sự hợp lý của việc đặt các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật đối với sản phẩm đối với Dự án.

đ) Sự phù hợp của phương thức lựa chọn tổ chức cá nhân thực hiện nhiệm vụ

6. BCN chương trình giải trình bổ sung:

7. Hội đồng bầu Ban kiểm phiếu:

Trưởng Ban:

Ủy viên 1:

Ủy viên 2:

8. Hội đồng đã đánh giá từng đề tài, dự án (Phụ lục 3, Biểu A3-2). Kết quả kiểm phiếu được trình bày trong Biên bản kiểm phiếu (Phụ lục 3, Biểu A3-3) kèm theo.

9. Hội đồng thảo luận để hoàn thiện những yêu cầu đối với từng Đề tài, Dự án theo danh mục đã được Hội đồng thông qua cho từng nhiệm vụ theo nguyên tắc quá bán.

Hội đồng kiến nghị về phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với từng đề tài, dự án SXTN.

10. Hội đồng thông qua Biên bản làm việc có kèm theo tổng hợp kết quả làm việc của Hội đồng.

Thư ký khoa học của Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

Chủ tịch Hội đồng
(Họ, tên và chữ ký)

**DANH MỤC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUNG ĐỂ THỰC HIỆN TRONG NĂM 20...**

1. Tên Chương trình:

Mã số:

2. Chuyên ngành:

3. Kết quả làm việc:

- Số đề tài, dự án đưa ra Hội đồng tư vấn:

- Số đề tài, dự án đáp ứng yêu cầu chung (*Xếp thứ tự ưu tiên*):

I. Đề tài

| <i>TT</i> | <i>Tên đề tài</i> | <i>Định hướng mục tiêu</i> | <i>Yêu cầu đối với sản phẩm</i> | <i>Phương thức tổ chức thực hiện</i> | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|-------------------|----------------------------|---------------------------------|--------------------------------------|----------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

II. Dự án

| <i>TT</i> | <i>Tên dự án</i> | <i>Mục tiêu</i> | <i>Sản phẩm dự kiến, các chỉ tiêu KT-KT cần đạt</i> | <i>Phương thức tổ chức thực hiện</i> | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|------------------|-----------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Chủ tịch Hội đồng
(*Họ, tên và chữ ký*)

Phụ lục 4
BIỂU MẪU THẨM ĐỊNH ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
(Kèm theo Thông tư số /2012/TT-BKHHCN ngày / /2012
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)

Biểu A4-1

TỔ THẨM ĐỊNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày tháng năm 20...

BIÊN BẢN HỌP TỔ THẨM ĐỊNH DANH MỤC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN
THỰC HIỆN NĂM 20...

A. Những thông tin chung

1. Tên Chương trình:

2. Quyết định thành lập Tổ thẩm định

.../QĐ-BKHHCN ngày .../.../20... của Bộ trưởng Bộ KH&CN

3. Địa điểm và thời gian họp:

..., ngày..... /...../20..

- Số thành viên có mặt trên tổng số thành viên: .../...

- Vắng mặt: ... người, gồm các thành viên:

- Khách mời tham dự họp Tổ thẩm định

TT

Họ và tên

Đơn vị công tác

B. Nội dung làm việc của Tổ Thẩm định

1. Thống nhất phương thức làm việc của Tổ Thẩm định.

2. Rà soát thủ tục xây dựng của từng đề tài, dự án theo đúng qui trình đã được hướng dẫn tại Thông tư này

3. Rà soát theo các yêu cầu của đề tài, dự án theo qui định tại Điều 4 của Thông tư.

4. Rà soát phương thức thực hiện tuyển chọn hoặc giao trực tiếp đối với từng đề tài, dự án.

5. Xem xét và đề xuất phương án giải quyết các vấn đề có ý kiến khác nhau giữa BCN chương trình và Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ.

6. Kiến nghị Bộ Khoa học và Công nghệ tham khảo ý kiến các chuyên gia tư vấn độc lập trong nước, nước ngoài hoặc thành lập Hội đồng khác để tư vấn (nếu có).

C. Kết luận của Tổ Thẩm định

1. Số đề tài, dự án đủ điều kiện để trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt đưa vào danh mục để tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thực hiện năm 20... là: ... nhiệm vụ.

Trong đó: ... đề tài và ... dự án

2. Số đề tài, dự án chưa đủ điều kiện để trình Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ phê duyệt là: ... nhiệm vụ.

3. Kết quả làm việc của Tổ Thẩm định (kèm theo, Biểu A4-2).

4. Kiến nghị khác (nếu có)

Tổ Thẩm định thông qua Biên bản hội ...h, ngày .../.../20 ... có kèm theo Danh mục đề tài, dự án đã được thẩm định.

Tổ phó
(Họ, tên và chữ Ký)

Tổ trưởng
(Họ, tên và chữ Ký)

Thành viên
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên
(Họ, tên và chữ ký)

Tổ thẩm định

**TỔNG HỢP KẾT QUẢ LÀM VIỆC CỦA TỔ THẨM ĐỊNH
DANH MỤC CÁC ĐỀ TÀI, DỰ ÁN THỰC HIỆN NĂM 20...**

Tên Chương trình:

Mã số:

A. Tổng hợp ý kiến thẩm định**1. Đề tài**

| TT | Tên đề tài, dự án | Ý kiến của tổ thẩm định | | | Phương án xử lý các vấn đề còn có ý kiến khác nhau giữa BCN chương trình và Hội đồng tư vấn | Kết luận (Đề nghị thực hiện hoặc không) |
|------------------|-------------------|----------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|
| | | Thủ tục xây dựng đề tài, dự án theo đúng quy trình | Đáp ứng yêu cầu theo qui định tại Điều 4 của Thông tư | Phương thức thực hiện (Tuyển chọn hoặc giao trực tiếp) | | |
| 1 | 2 | 3 | 4 | 5 | 6 | 7 |
| I. Đề tài | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |
| II. Dự án | | | | | | |
| | | | | | | |
| | | | | | | |

B. Danh mục các đề tài, dự án đủ điều kiện đề nghị phê duyệt**1. Đề tài**

| <i>TT</i> | <i>Tên đề tài</i> | <i>Định hướng mục tiêu</i> | <i>Yêu cầu đối với sản phẩm</i> | <i>Phương thức tổ chức thực hiện</i> | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|-------------------|----------------------------|---------------------------------|--------------------------------------|----------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

2. Dự án

| <i>TT</i> | <i>Tên dự án</i> | <i>Mục tiêu</i> | <i>Sản phẩm dự kiến, các chỉ tiêu KT-KT cần đạt</i> | <i>Phương thức tổ chức thực hiện</i> | <i>Ghi chú</i> |
|-----------|------------------|-----------------|-----------------------------------------------------|--------------------------------------|----------------|
| <i>1</i> | <i>2</i> | <i>3</i> | <i>4</i> | <i>5</i> | <i>6</i> |
| | | | | | |
| | | | | | |
| | | | | | |

Tổ phó
(Họ, tên và chữ ký)

Tổ trưởng
(Họ, tên và chữ ký)

Thành viên
(Họ, tên và chữ ký)